

Số: 668/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 26 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh mới ban hành trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 22/02/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc ủy quyền công bố danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và nội dung 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh mới ban hành trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng UBND tỉnh: đăng tải nội dung Quyết định lên trang Văn bản

quy phạm pháp luật của tỉnh theo địa chỉ: <http://qppl.vpubnd.quangnam.vn> để các cơ quan, đơn vị, địa phương truy cập, tải về triển khai thực hiện.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Hoàn chỉnh đầy đủ, chính xác nội dung cấu thành thủ tục hành chính, cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (tại địa chỉ <https://csdl.dichvucong.gov.vn>) và cập nhật lên Trang thông tin điện tử của Sở; đồng thời, gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Phục vụ hành chính công Quảng Nam để đăng tải công khai, niêm yết dữ liệu theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục kiểm soát thủ tục hành chính;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Trung tâm CNTT&TT tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, NCKS.

TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Nguyễn Phi Thạnh

Phụ lục

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Quyết định số #sovb/QĐ-UBND ngày #nbh /03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

PHẦN A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Danh mục các thủ tục hành chính cấp tỉnh mới ban hành trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ.

TT	Số hồ sơ thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Nam	Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công		

1	1.012353	Xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên	<p>- Trong thời hạn 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.</p> <p>- Đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp, thời hạn giải quyết có thể kéo dài thêm 20 ngày.</p>	Sở Khoa học và Công nghệ	x	x	Không quy định	<p>-Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>-Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;</p> <p>-Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên.</p>
---	----------	---	---	--------------------------	---	---	----------------	--

PHẦN B. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên:

a. Trình tự thực hiện:

- Nhà đầu tư lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xác định công nghệ, gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc gửi trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh (Cổng dịch vụ công).

- Đối với hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ theo quy định, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh trả ngay lại hồ sơ cho nhà đầu tư và thông báo rõ về các văn bản cần sửa đổi, bổ sung để nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp nhà đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp. Trường hợp nhà đầu tư gửi hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh hoặc qua đường bưu chính, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp liên quan để lấy ý kiến phối hợp. Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ lấy thêm ý kiến tổ chức, chuyên gia độc lập để tham vấn về chuyên môn, xác định công nghệ của dự án đầu tư.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, cơ quan được lấy ý kiến phối hợp, tổ chức, chuyên gia độc lập có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

- Đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp, trong trường hợp cần thiết, trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, tổ chức khảo sát thực tế để xác định công nghệ của dự án đầu tư.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ ý kiến của cơ quan phối hợp, hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, tổ chức, chuyên gia độc lập, Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến xác định công nghệ của dự án bằng văn bản gửi nhà đầu tư.

b. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ đề nghị xác định công nghệ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công Quảng Nam, địa chỉ 159B

Trần Quý Cáp, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam hoặc gửi trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh (Công dịch vụ công) .

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

(i) Văn bản đề nghị xác định công nghệ;

(ii) Thuyết minh hiện trạng công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư;

(iii) Chứng thư giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư còn hiệu lực.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (01 bản giấy và 01 bản điện tử)

d. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

- Đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp, thời hạn giải quyết có thể kéo dài thêm 20 ngày.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Nhà đầu tư có dự án đầu tư đã hoặc sắp hết thời gian hoạt động, có nhu cầu gia hạn thời gian hoạt động.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức việc xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên không thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ tại địa phương theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản xác định công nghệ dự án đầu tư.

h. Phí, lệ phí:

Không quy định

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

(i) Văn bản đề nghị xác định công nghệ theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục của Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg;

(ii) Thuyết minh hiện trạng công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục của Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg;

(iii) Chứng thư giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư còn hiệu lực theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục của Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Dự án đầu tư đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật về đầu tư;
- Việc xem xét, xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên thực hiện khi nhà đầu tư có nhu cầu gia hạn thời gian hoạt động của dự án đầu tư.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC ĐỊNH CÔNG NGHỆ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh....

1. Tên nhà đầu tư:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại/fax:

Email: Website:

4. Người đại diện pháp luật:

5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....(mã số), do (cơ quan) cấp ngày... tháng... năm....

6. Dự án đầu tư: (tên, địa điểm thực hiện dự án).

7. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký dự án đầu tư số (mã số).....do (cơ quan)..... cấp ngày... tháng... năm...

Đề nghị được xác định công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư. Hồ sơ đề nghị xác định công nghệ gửi kèm văn bản này gồm các tài liệu sau:

1. Thuyết minh hiện trạng công nghệ;

2. Chứng thư giám định số ngày ... tháng ... năm do(tên tổ chức giám định) cấp;

..... (tên nhà đầu tư) cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và hợp pháp của các tài liệu nêu trên.

ĐẠI DIỆN NHÀ ĐẦU TƯ
(Ký tên, đóng dấu)

THUYẾT MINH HIỆN TRẠNG CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG TRONG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án đầu tư:.....
2. Địa điểm thực hiện dự án:
3. Địa chỉ liên hệ: Điện thoại:
- Email: Website:
4. Giấy chứng nhận đăng ký dự án đầu tư: (ngày tháng năm cấp; cơ quan cấp; mã số).
5. Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của dự án đầu tư:.....
6. Quy mô dự án:
 - Sản lượng:..... đơn vị sản phẩm/năm
 - Lao động:..... người
 - Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng (nếu có): m² hoặc ha
 - Tổng vốn đầu tư của dự án: (bằng chữ) đồng
7. Thời gian bắt đầu hoạt động:.....
8. Thời hạn hoạt động:

II. THUYẾT MINH HIỆN TRẠNG CÔNG NGHỆ

1. Quy trình công nghệ, đặc điểm của dây chuyền công nghệ:
 - Tên công nghệ;
 - Quy trình, đặc điểm của dây chuyền công nghệ (trong đó thuyết minh quy trình, thông số kỹ thuật, sơ đồ dây chuyền công nghệ,...);
 - Quy mô công suất/hiệu suất hiện tại và so với thiết kế;
 - Sự hoàn thiện của công nghệ, phù hợp của công nghệ; phân tích ưu nhược điểm của công nghệ, so sánh với công nghệ cùng loại đang sử dụng phổ biến trong và ngoài nước (nếu có);
 - Quy chuẩn kỹ thuật, chỉ tiêu kỹ thuật của tiêu chuẩn về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường áp dụng đối với dây chuyền công nghệ.
2. Nguyên vật liệu, nhiên liệu năng lượng của dây chuyền công nghệ:
 - Thống kê nguyên, vật liệu (chủng loại, khối lượng);
 - Mức độ tiêu thụ nguyên, vật liệu, năng lượng hiện tại so với thiết kế;
3. Sản phẩm của dây chuyền công nghệ:
 - Tên các loại sản phẩm, quy mô sản lượng (năng suất);
 - Tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm.
4. Thống kê loại chất thải, khối lượng chất thải trong quá trình sản xuất.

5. Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm của dây chuyền công nghệ, việc tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

6. Hoạt động duy tu, bảo dưỡng theo định kỳ, sửa chữa, thay thế máy móc, thiết bị (kèm theo hồ sơ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị).

7. Thuyết minh máy móc, thiết bị có tuổi vượt quá 10 năm không thuộc công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ).

8. Danh mục máy móc, thiết bị trong dây chuyền công nghệ:

Số TT	Tên máy móc, thiết bị	Năm sản xuất	Nhà sản xuất	Nước sản xuất (xuất xứ)	Nhãn hiệu	Số hiệu	Kiểu loại (model)	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mã HS
I Máy móc, thiết bị có tuổi không vượt quá 10 năm									
1									
...								
II Máy móc, thiết bị có tuổi vượt quá 10 năm									
1									
...								

Lưu ý: Trường hợp một dự án đầu tư có nhiều dây chuyền sản xuất thì liệt kê và thuyết minh chi tiết hiện trạng công nghệ của từng dây chuyền sản xuất trong dự án đó.

....., ngày.... tháng.... năm 20....

NHÀ ĐẦU TƯ
(Ký tên, đóng dấu)

**TỔ CHỨC GIÁM
ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng năm.....

CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH

Máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dự án đầu tư:
2. Ngày thực hiện giám định:.....
3. Địa điểm giám định:.....
4. Phương pháp giám định:.....

II. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

1. Dây chuyền công nghệ:

1.1. Dây chuyền công nghệ thứ nhất:

- Tên dây chuyền công nghệ:...

- Công suất (hoặc hiệu suất):

Theo thiết kế:..... thực tế:..... đạt: ...% (so với thiết kế)

- Tiêu hao nguyên, vật liệu, năng lượng:

Theo thiết kế:..... thực tế:..... đạt: ...% (so với thiết kế)

- Đánh giá mức độ đáp ứng của dây chuyền công nghệ khi hoạt động theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường. Trường hợp không có QCVN về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường liên quan đến dây chuyền công nghệ của dự án thì có thể áp dụng chỉ tiêu kỹ thuật của tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc gia của một trong các nước G7, Hàn Quốc về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường (Mức độ đáp ứng quy chuẩn hoặc tiêu chuẩn về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường)[2]:

1.2. Dây chuyền công nghệ tiếp theo: (trình bày tương tự như dây chuyền công nghệ thứ nhất).....

2. Máy móc, thiết bị có mã hàng hóa (mã số HS) thuộc các Chương 84 và 85 Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam có tuổi không vượt quá 10 năm:

2.1. Danh mục máy móc thiết bị:

Số TT	Tên máy móc, thiết bị	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Nhãn hiệu/số hiệu/kiểu loại (model)	Mã HS	Mức độ đáp ứng quy chuẩn hoặc tiêu chuẩn về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường
1							
2							
....						

2.2. Đánh giá chung về mức độ đáp ứng quy chuẩn hoặc tiêu chuẩn về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường của toàn bộ máy móc, thiết bị có tuổi không vượt quá 10 năm:.....

3. Máy móc, thiết bị có mã hàng hóa (mã số HS) thuộc các Chương 84 và 85 Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam có tuổi vượt quá 10 năm:

3.1. Danh mục máy móc thiết bị:

Số TT	Tên máy móc, thiết bị	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Nhãn hiệu/số hiệu/kiểu loại (model)	Mã HS	Mức độ đáp ứng quy chuẩn hoặc tiêu chuẩn về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường
1							
2							
....						

3.2. Đánh giá máy móc, thiết bị về việc đáp ứng các tiêu chí xác định máy móc, thiết bị trong một số lĩnh vực có tuổi vượt quá 10 năm không thuộc công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ).

4. Hiệu lực của chứng thư giám định: 12 tháng (kể từ ngày cấp chứng thư).

GIÁM ĐỊNH VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH
(Người có thẩm quyền ký, ghi rõ họ tên)

[1] Trường hợp không có QCVN, TCVN và tiêu chuẩn quốc gia của các nước G7, Hàn Quốc thì nêu rõ trong Chứng thư giám định.

[2] Trường hợp không có QCVN, TCVN và tiêu chuẩn quốc gia của các nước G7, Hàn Quốc thì nêu rõ trong Chứng thư giám định.